

Bản án số: **47/2019/HSST**
Ngày: 21/8/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Thìn

Ông Nguyễn Thành Hạnh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đào Thị Quỳnh Nga, Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Dung, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 49/2019/TLST-HS ngày 23 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2019/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Lương Thị Kiều T, sinh năm 1998; tại Bình Dương; Nơi cư trú: Ấp Đ, xã A, huyện P, tỉnh B; Chỗ ở hiện nay: Như trên; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 09/12; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lương C, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị H (đã chết); Bị cáo có 02 con ruột, lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền sự: Không.

Tiền án: Có 01 tiền án, Tại bản án số 50/2018/HS-ST ngày 11/10/2018, Bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo chưa chấp hành hình phạt và chưa đóng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03/5/2019 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**Người bị hại:*

Anh Cao Đạo Th, sinh năm 1995; Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh B.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Anh Lê Bá D, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Ấp 1, xã T, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Chị Võ Thị Mỹ L, sinh năm 1997; Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh B.

Bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1962; Nơi cư trú: Ấp Th, xã L, huyện Đ, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Lương Thị Kiều T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 18/02/2019, Lương Thị Kiều T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 93M1 – 159.38 đi từ huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương đến huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước. Khi đi đến khu vực thuộc ấp Chợ, xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, T vào tiệm tạp hóa biển hiệu “L Th” do Cao Đạo Th làm chủ để mua 01 thẻ cào điện thoại mạng Viettel mệnh giá 20.000 đồng. Sau khi bán thẻ cào cho T xong Th đi ra phía sau nhà. Lúc này T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên đi vào tiệm lấy trộm một điện thoại di động hiệu Sony Xperia màu xanh và 10 thẻ cào điện thoại mạng Viettel trị giá 370.000 đồng, gồm: 06 thẻ cào mệnh giá 20.000 đồng/ thẻ cào, 03 thẻ cào mệnh giá 50.000 đồng/ thẻ cào, 01 thẻ cào mệnh giá 100.000 đồng. Sau khi lấy trộm, T đem điện thoại đến gửi cho Nguyễn Tuấn Liêm tại ấp 3, xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước nhờ Liêm đưa cho Lê Bá D là chủ tiệm điện thoại biển hiệu “Lê D” tại ấp 3, xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước để D xem có mua lại điện thoại này không. Khi phát hiện bị mất tài sản và nghi ngờ T lấy trộm, Th đi tìm và gặp T tại khu vực Chợ Đồng Phú thuộc thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước nên yêu cầu T về trụ sở Công an xã Tân Tiến làm việc. Trên đường đi về trụ sở Công an xã Tân Tiến, T đã móc hết số thẻ cào điện thoại trộm cắp được từ trong túi áo vớt ra ngoài đường.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 16/KL-HĐĐG ngày 08/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đồng Phú, kết luận: 01 (một) điện thoại di động hiệu Sony Xperia, màu xanh có giá trị là 3.720.000 đồng; 04 thẻ cào điện thoại mạng Viettel, mệnh giá 100.000 đồng/thẻ có giá trị là 400.000 đồng; 20 thẻ cào điện thoại mạng Viettel, mệnh giá 20.000 đồng/thẻ có giá trị là 400.000 đồng; 20 thẻ cào điện thoại mạng Viettel, mệnh giá 50.000 đồng/thẻ có giá trị là 1.000.000 đồng; 06 thẻ cào điện thoại mạng Mobifone, mệnh giá 20.000 đồng/thẻ có giá trị là 120.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 52/CTr-VKS ngày 19 tháng 7 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước đã truy tố bị cáo Lương Thị Kiều T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, 50 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lương Thị Kiều T mức án từ 09 tù đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt của bản án số 50/2018/HS-ST ngày 11/10/2018, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Trong phần tranh luận, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước công bố bản luận tội, bị cáo Lương Thị Kiều T không có tranh luận gì về phần tội danh mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Người bị hại anh Cao Đạo Th, những người có quyền lợi nghĩa vụ L quan anh Lê Bá D; chị Võ Thị Mỹ L và bà Nguyễn Thị D1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng người bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ nói trên có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét sự vắng mặt của người bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ L quan không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đồng Phú, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa, bị cáo Lương Thị Kiều T khai nhận như nội dung cáo trạng số 52/CTr-VKS ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước đã truy tố. Bị cáo thừa nhận vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 18/02/2019, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt của bị hại Cao Đạo Th tại ấp Chợ, xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước 01 (một) điện thoại di động hiệu Sony Xperia, màu xanh có giá trị là 3.720.000 đồng và 10 thẻ cào điện thoại mạng Viettel trị giá 370.000 đồng (gồm: 06 thẻ cào mệnh giá 20.000 đồng/ thẻ cào, 03 thẻ cào mệnh giá 50.000 đồng/thẻ cào, 01 thẻ cào mệnh giá 100.000 đồng). Tổng tài sản chiếm đoạt có giá trị là 4.090.000 đồng. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đang chấp hành hình phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách là 12 tháng theo bản án số 50/2018/HS-ST ngày 11/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

Xét lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại về thời gian, địa điểm thực hiện hành vi phạm tội, vật chứng vụ án đồng thời phù hợp với kết luận của đại diện Viện kiểm sát cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi mà bị cáo T thực hiện vi phạm đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú truy tố bị cáo Lương Thị Kiều T phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác là khách thể được pháp luật bảo vệ ngoài ra còn gây mất trật tự trị an tại địa phương.

Xét tính chất và mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện là

ng nghiêm trọng. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình. Bị cáo nhận thức được việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật và bị pháp luật nghiêm trị. Song vì động cơ tư lợi cá nhân, muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động nên bị cáo đã thực hiện hành vi như đã phân tích ở trên. Bị cáo có 01 tiền án bị Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, chưa chấp hành xong hình phạt và án phí. Lẽ ra, sau khi bị kết án, bị cáo phải lấy đó làm bài học sâu sắc cho bản thân mình và phải nhận thức được pháp luật đã khoan dung, cho bị cáo có cơ hội sống tốt hơn nhưng bị cáo lại quen đường cũ, tiếp tục hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, đây thuộc trường hợp tái phạm và là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, thể hiện bị cáo rất coi thường pháp luật. Vì vậy, cần xét xử bị cáo mức án nghiêm khắc tù có thời hạn mới có tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

Do bị cáo phạm tội mới trong thời gian thử thách nên hình phạt của bản án trước được chuyển thành án giam và tổng hợp hình phạt của bản án mới buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án theo quy định khoản 5 Điều 65 và Điều 56 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng là “tái phạm”; Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đang có thai; bị cáo đang nuôi 02 con nhỏ dưới 36 tháng tuổi; bị cáo là lao động chính trong gia đình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Kết luận của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về phần hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Đối với hành vi của Nguyễn Tuấn Liêm là người cầm điện thoại do T gửi để đưa cho Lê Bá D. Khi cầm điện thoại, L và D không biết điện thoại do T phạm tội mà có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Cao Đạo Th trình báo ngoài bị mất chiếc điện thoại di động hiệu Sony Xperia, màu xanh, bị hại còn bị mất 04 thẻ cào điện thoại mạng Viettel, mệnh giá 100.000 đồng/thẻ có giá trị là 400.000 đồng; 20 thẻ cào điện thoại mạng Viettel, mệnh giá 20.000 đồng/thẻ có giá trị là 400.000 đồng; 20 thẻ cào điện thoại mạng Viettel, mệnh giá 50.000 đồng/thẻ có giá trị là 1.000.000 đồng; 06 thẻ cào điện thoại mạng Mobifone, mệnh giá 20.000 đồng/thẻ có giá trị là 120.000 đồng. Tổng giá trị các thẻ cào điện thoại là 1.920.000 đồng. Tuy nhiên, do bị cáo và bị hại đã tự thương lượng bồi thường xong, bị hại không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Vật chứng của vụ án: 02 (hai) thẻ cào điện thoại Viettel mệnh giá 20.000 đồng/thẻ (còn giá trị sử dụng) là tài sản hợp pháp của bị hại anh Cao Đạo Th nên cần tuyên trả cho bị hại Cao Đức Th;

Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Sony Xperia, màu xanh cho chủ sở hữu là Cao Đạo Th và 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha loại Sirius, màu xanh đen, BKS 93M1 – 159.38 cho chủ sở hữu là Nguyễn Thị D1 đã được Cơ quan CSĐT Công an huyện Đồng Phú đã lập biên bản trả cho anh Th ngày 11/4/2019 và trả cho

bà D1 ngày 13/5/2019. Việc xử lý vật chứng nói trên là đúng với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý lại.

[7] Án phí bị cáo phải chịu theo Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lương Thị Kiều T phạm tội **“Trộm cắp tài sản”**

2. Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; khoản 5 Điều 65 và Điều 56 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lương Thị Kiều T 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt 06 tháng tù tại Bản án số 50/2018/HSST ngày 11/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **01 năm 03 tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành bản án.

3. Vật chứng của vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Tuyên trả cho anh Cao Đạo Th 02 (hai) thẻ cào điện thoại Viettel mệnh giá 20.000 đồng/thẻ (còn giá trị sử dụng)

5. Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án buộc bị cáo Lương Thị Kiều T phải nộp 200.000 đồng.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo được quyền kháng cáo. Người bị hại và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước (01);
- VKSND huyện Đồng Phú (01);
- THADS huyện Đồng Phú(01);
- CA huyện Đồng Phú (03);
- Phòng PV 27
- TT lý lịch tư pháp – Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước (01);
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú(01);
- Bị cáo; người tham gia tố tụng(01);
- Lưu (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hương

